

**SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
THỊ XÃ KỲ ANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469/BVĐKKA-KD

V/v đề nghị gửi thư báo giá
Hóa chất sử dụng cho máy xét
nghiệm sinh hóa máu.

Thị xã Kỳ Anh, ngày 22 tháng 09 năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp hóa chất, vật tư y tế.

Để có căn cứ xây dựng giá mua sắm hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa máu, phục vụ công tác khám chữa bệnh, Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh kính đề nghị các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hóa chất theo phụ lục 1 đính kèm công văn này gửi báo giá về địa chỉ: Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh, TDP Hưng Hoà, phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh trước ngày 26/9/2022. Báo giá của đơn vị gửi theo mẫu phụ lục 2 đính kèm công văn này.

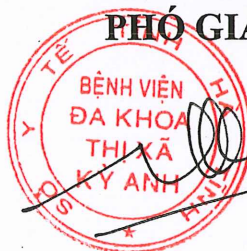
Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh thông báo để các đơn vị được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Kim Oanh



PHỤ LỤC 1
VẬT TƯ Y TẾ ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 469/BVĐKKA-KD ngày 22/9/2022 của bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh)

STT	Tên Hàng Hoá	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm TT 14	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm Citrate: 95 mmol/L, pH 4.1; chất bảo quản, chất ổn định R2 Đệm Citrate: 95 mmol/L, pH 4.1; xanh bromcresol: 0.66 mmol/L; chất bảo quản, chất ổn định	Nhóm 1	Hộp	1
2	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): ≥ 45 µkat/L; chất ổn định; chất bảo quản R2 2-Oxoglutarate: 94 mmol/L; NADH: ≥ 1.7 mmol/L; chất phụ gia; chất bảo quản	Nhóm 1	Hộp	10
3	Thuốc thử xét nghiệm amylase	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 HEPES: 52.4 mmol/L; natri chloride: 87 mmol/L; calcium chloride: 0.08 mmol/L; magnesium chloride: 12.6 mmol/L; α-glucosidase (vi khuẩn): ≥ 66.8 µkat/L; pH 7.0 (37 °C); chất bảo quản; chất ổn định R2 HEPES: 52.4 mmol/L; ethylidene-G7-PNP: 22 mmol/L; pH 7.0 (37 °C); chất bảo quản; chất ổn định	Nhóm 1	Hộp	1
4	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (vi sinh): ≥ 24 µkat/L; LDH (vi sinh): ≥ 48 µkat/L; albumin (bò): 0.25 %; chất bảo quản R2 NADH: ≥ 1.7 mmol/L; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản	Nhóm 1	Hộp	10
5	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	R1 Phosphoric acid: 85 mmol/L; HEDTA: 4.0 mmol/L; NaCl: 50 mmol/L; chất tẩy; pH 1.9 R2 3,5-Dichlorophenyl diazonium: 1.5 mmol/L; pH 1.3	Nhóm 1	Hộp	1
6	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	R1 Phosphate: 50 mmol/L; chất tẩy; chất ổn định; pH 1.0 R2 Muối 3,5-dichlorophenyl diazonium: ≥ 1.35 mmol/L	Nhóm 1	Hộp	1



7	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	R1 Chất đệm ỔNG: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminoantipyrine: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; ete polyglycol rượu béo: 3%; cholesterol esterase (loài Pseudomonas): ≥ 25 μ kat/L (≥ 1.5 U/mL); cholesterol oxidase (E. coli): ≥ 7.5 μ kat/L (≥ 0.45 U/mL); peroxidase (củ cải): ≥ 12.5 μ kat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản	Nhóm 1	Hộp	5
8	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Kali hydroxide: 900 mmol/L; phosphate: 13.5 mmol/L; pH ≥ 13.5 ; chất bảo quản; chất ổn định R3 (STAT R2) Acid picric: 38 mmol/L; pH 6.5; đệm không phản ứng	Nhóm 1	Hộp	7
9	Thuốc thử xét nghiệm CRP	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm TRISa) với albumin huyết thanh bò; chất bảo quản R2 Hạt latex phủ kháng thể kháng CRP (chuột) trong đệm glycine; globulin miễn dịch (chuột); chất bảo quản	Nhóm 1	Hộp	2
10	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm MES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; Mg ²⁺ : 24 mmol/L; ATP: ≥ 4.5 mmol/L; NADP: ≥ 7.0 mmol/L; chất bảo quản R2 Đệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; Mg ²⁺ : 4 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 300 μ kat/L; G-6-PDH (E. coli): ≥ 300 μ kat/L; chất bảo quản	Nhóm 1	Hộp	6
11	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm TAPSOB): 62.1 mmol/L, pH 7.77; polyanion: 1.25 g/L; EMSE: 1.08 mmol/L; ascorbate oxidase (đưa chuột): ≥ 50 μ kat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 166.7 μ kat/L; chất tẩy; BSA: 2.0 g/L; chất bảo quản R2 Đệm Bis-Trisc): 20.1 mmol/L, pH 6.70; cholesterol esterase (vi sinh): ≥ 7.5 μ kat/L; cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp): ≥ 7.17 μ kat/L; cholesterol oxidase (vi sinh): ≥ 76.7 μ kat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 333 μ kat/L; 4-amino-antipyrine: 1.48 mmol/L; BSA: 3.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản	Nhóm 1	Hộp	2
12	Dung dịch pha loãng xét nghiệm sinh hóa	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 NaCl 9 %	Nhóm 1	Hộp	1

13	Dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 Dung dịch natri hydroxide 1 mol/L, 4 %; chất tẩy	Nhóm 2	Hộp	1
14	Cốc bằng nhựa dùng để đựng thuốc thử	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 Một hộp chứa nhỏ dùng để chứa mẫu thử, vật liệu chứng và mẫu chuẩn	Nhóm 1	Hộp	1
15	Thuốc thử xét nghiệm Protein	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L R2 Natri hydroxide: 400 mmol/L; kali natri tartrate: 89 mmol/L; kali iodide: 61 mmol/L; đồng sulfate: 24.3 mmol/L	Nhóm 1	Hộp	1
16	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; natri cholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas): ≥ 83 μ kat/L; glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus): ≥ 3 μ kat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): ≥ 41 μ kat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 1.6 μ kat/L; chất bảo quản, chất ổn định	Nhóm 1	Hộp	10
17	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài) ≥ 83.5 μ kat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản R3 Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; kali hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone ≥ 3 mmol/L; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae) ≥ 83.4 μ kat/L (25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải) ≥ 50 μ kat/L (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản	Nhóm 1	Hộp	2
18	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Dùng được trên máy XN sinh hóa tự động Cobas C311 R1 NaCl 9 % R2 Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2-oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): ≥ 300 μ kat/L; GLDH (gan bò): ≥ 80 μ kat/L; chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng	Nhóm 1	Hộp	6



PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 46/BVĐKKA-KD ngày 29/9/2022 của bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh)

Tên công ty.....

BÀO GIÀ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh

Chúng tôi là:....., có địa chỉ tại:....., có địa chỉ tại:..... Chúng tôi xin gửi tới quý Bệnh viện bản chào giá trang thiết bị như sau:

[illegible]

Giá trên là giá đã bao gồm thuế và các loại phí

Các điều khoản:

- Hàng mới 100 %
- Địa điểm giao hàng: Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh, phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Các điều khoản khác (nếu có)
- Thời gian giao hàng:
- Phương thức thanh toán:

Báo giá trên có hiệu lực trong vòng ngày kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

